

Bản án số: **05/2024/KDTM - PT.**
Ngày : 10/01/2024
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng xây dựng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 300/2023/TLPT - KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp: Hợp đồng xây dựng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2023/KDTM-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH , thành phố Hà Nội đã bị Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần TP

Trụ sở: Số 89/19 đường làng TP, phường TPN A, thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Th – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Ch – Sinh năm 1993

Đại chỉ: Số 218 phố HN, phường TH, quận CG, Hà Nội

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH

Trụ sở: Số 2, ngõ 9 đường ĐTM, phường QA, quận TH , thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Đình Th – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh D và ông Lê Ngọc Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần TP do người đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/6/2016, Công ty cổ phần TP có ký hợp đồng kinh tế số 01/2016/HĐKT với Chi nhánh xây dựng và đầu tư TH số 10 - Công ty CP ĐTPT

Nhà và Xây dựng TH về việc Công ty cổ phần TP thi công xây dựng hạng mục “ Cầu số 5” của gói thầu số VH2-03: Nâng cấp, cải tạo Kênh Bắc đoạn 3 tại thành phố V , tỉnh Nghệ An. Sau khi ký kết Hợp đồng kinh tế, Công ty cổ phần TP đã thực hiện thi công công trình theo nội dung các bên đã thỏa thuận.

Hợp đồng thuộc hình thức giá trọn gói. Giá trị hợp đồng được xác định là 4.583.128.400 đồng.

Công ty cổ phần TP đã hoàn thành việc thi công xây dựng hạng mục cầu số 5 của gói thầu VH2-03. Bên giao thầu đã đồng ý nghiệm thu công trình và các bên đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành số 03/HTGDHM vào ngày 7/11/2017. Sau đó, Công ty Cổ phần TP đã gửi hồ sơ thanh toán cho Chi nhánh xây dựng và đầu tư TH số 10 - Công ty CP ĐTPT Nhà và Xây dựng TH .

Ngày 02/01/2019, các bên ký kết bản đối chiếu công nợ cuối cùng, theo đó bên giao thầu còn công nợ chưa trả phát sinh từ Hợp đồng thi công số 01/2016/HĐKT, là 874.023.000 VND (Tám trăm bảy mươi tư triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Về thời hạn trả tiền: Theo thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng kinh tế số: PL01/2016/HĐKT, Công ty Cổ phần TP , thời gian thanh toán của Hợp đồng số 01/2016/HĐKT chậm nhất là đến ngày 31/12/2019.

Tuy nhiên, mặc dù Công ty Cổ phần TP đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, gửi công văn đề nghị thanh toán nhưng đến thời điểm hiện tại bên giao thầu vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ là 874.023.000 VND (Tám trăm bảy mươi tư triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) cho Công ty Cổ Phần TP .

2. Về các khoản mà Bị đơn phải thanh toán:

Bên giao thầu là đơn vị phụ thuộc của Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà ở và xây dựng TH , theo quy định của pháp luật thì Công ty cổ phần ĐTPT nhà ở và xây dựng TH có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của chi nhánh. Vì vậy, công ty cổ phần TP khởi kiện Công ty cổ phần ĐTPT nhà và xây dựng TH tại Tòa án nhân dân Quận TH , thành phố Hà Nội. Yêu cầu Công ty cổ phần ĐTPT nhà và xây dựng TH thanh toán số tiền còn nợ Công ty cổ phần TP là: 874.023.000 VND và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn tạm tính lãi suất theo lãi suất do Bộ luật dân sự quy định là 10%/năm, thời gian chậm thanh toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/3/2021, tương ứng với số tiền là 109.252.875 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc bị đơn là Công ty cổ phần ĐTPT nhà và xây dựng TH thanh toán số công nợ còn lại là 874.023.000 VND.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Thời hạn thanh toán tiền là hết ngày 31/12/2019. Do vậy, thời gian chậm trả được tính từ ngày 01/01/2020, lãi suất chậm trả được áp dụng theo quy định của pháp luật về luật xây dựng. Nguyên đơn cung cấp văn bản xác nhận mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietin Bank) để làm căn cứ xác định lãi suất nợ quá hạn. Cụ thể như sau: Số tài khoản 110606167979 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn. Do hai bên không thỏa thuận về việc thanh toán tiền do chậm trả, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để yêu cầu bị

đơn thanh toán tiền chậm trả theo quy định từ khi vi phạm cho đến khi xét xử sơ thẩm.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Công trình tiêu dự án Phát triển đô thị Vinh, thuộc dự án phát triển đô thị vừa, địa điểm TP Vinh – Tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân Thành phố V là Chủ đầu tư, Ban quản lý tiêu Dự án Phát triển Đô thị Vinh là đại diện chủ đầu tư. Gói thầu này do Tổng công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP là tổng thầu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng TH (sau đây gọi tắt là “Công ty TH”) là thầu phụ theo Hợp đồng số 25/HĐXD-GNT/2016/TCT-KTTT ngày 08/07/2016 để thực hiện gói thầu VH02-03 Nâng cấp, cải tạo kênh Bắc đoạn 3. Đối với gói thầu này, Công ty TH đã giao cho Chi nhánh xây dựng và đầu tư số 10 (Sau đây gọi tắt là “Chi nhánh 10”) thực hiện theo Hợp đồng giao khoán nội bộ số 26-01/HĐGKNB ngày 13/7/2016.

Mặc dù Công ty TH chưa ký Hợp đồng giao khoán nội bộ số 26-01/HĐGKNB để giao cho Chi nhánh 10 thực hiện thi công gói thầu nhưng ngày 24/6/2016, Chi nhánh 10 đã ký hợp đồng số 01/2016/HĐKT với Công ty Cổ phần TP (Sau đây gọi tắt là “Công ty TP”) để thực hiện thi công hạng mục Cầu số 5, gói thầu VH02-03 nâng cấp, cải tạo kênh Bắc đoạn 3, địa điểm thành phố V – Tỉnh Nghệ An.

Quá trình gói thầu này được triển khai thi công cho đến khi hoàn thành, bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng 4/2018, Công ty TH không biết gói thầu này do Công ty TP được Chi nhánh 10 giao thi công. Cho đến đầu năm 2021, Công ty TH mới được biết Công ty TP là đơn vị thi công gói thầu này, nên ngày 01/02/2021, Công ty TH có Thông báo số 25/TB-KTTT gửi Công ty TP có nội dung như sau “ Quyết toán với công ty TP chỉ được thực hiện sau khi có quyết toán với Tổng Công ty. Công ty TH chỉ chấp nhận quyết toán với Công ty TP dựa trên số liệu quyết toán được Tổng công ty xác nhận (khối lượng quyết toán phải có bảng diễn giải kèm theo) các khối lượng thanh toán đã ký trước đây không được coi là căn cứ để quyết toán mà phải căn cứ theo khối lượng quyết toán của chủ đầu tư và TVGS ký với Tổng công ty - Chính là khối lượng quyết toán Tổng công ty ký với Công ty TH”. Công ty TP đã nhận được Thông báo này và không có ý kiến gì.

Đến nay, Công ty TP khởi kiện, bị đơn có ý kiến như sau: Công ty TH không chấp nhận với nội dung yêu cầu đòi số tiền nợ và tiền lãi do chậm trả theo đơn khởi kiện của Công ty TP vì các lý do sau:

1. Về việc ký kết hợp đồng số 01/2016/HĐKT ngày 24/10/2016

1.1. Chi nhánh 10 ký kết hợp đồng 01/2016 với công ty TP là trái pháp luật

Trong khi Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP chưa giao gói thầu này cho Công ty TH (giao ngày 08/7/2016), Công ty TH cũng chưa ký Hợp đồng giao khoán nội bộ số 26-01/HĐGKNB giao cho Chi nhánh 10 (ngày 13/7/2016) thực hiện thi công gói thầu, thì ngày 24/6/2016, Chi nhánh 10 đã ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐKT với Công ty TP để thực hiện hạng mục Cầu số 5, gói thầu VH02-03 nâng cấp, cải tạo kênh Bắc đoạn 3, địa điểm Thành phố V – Tỉnh Nghệ An là trái pháp luật.

1.2. Chi nhánh 10 ký hợp đồng vượt quá phạm vi thẩm quyền, bởi 4 lý do sau:

- Khoản 1 Điều 84 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân, không phải là pháp nhân.”. Điều 45 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về chi nhánh của doanh nghiệp “Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp..”. Theo quy định này, chi nhánh Công ty 10 là đơn vị phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, chỉ thực hiện các công việc, nhiệm vụ do công ty quy định.

- Công ty TH không có văn bản ủy quyền cho Chi nhánh 10 ký kết HĐ giao thầu cho công ty TP .

- Điều lệ Công ty TH cũng không quy định chi nhánh 10 được thay mặt công ty TH ký hợp đồng trừ hợp đồng lao động; Hợp đồng thuê, mua vật tư thiết bị.

- Hợp đồng số 01/2016 không nêu chi nhánh 10 được đại diện theo ủy quyền, không ghi công ty TH là bên giao thầu mà ghi bên giao thầu là chi nhánh 10. Như vậy, việc ký Hợp đồng số 01/2016 của Chi nhánh 10 với Công ty TP là vượt quá thẩm quyền.

2. Về việc thực hiện Hợp đồng và thanh toán

2.1. Chi nhánh 10 và Công ty Tùng Phương chưa thống nhất số liệu quyết toán

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/04/2021, Công ty TP căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/01/2019 để yêu cầu Công ty TH trả tiền. Tuy nhiên, biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/01/2019 mà công ty TP sử dụng là căn cứ khởi kiện đòi nợ chỉ là văn bản ghi nhận nợ theo khối lượng công việc đã hoàn thành, chưa phải là tài liệu có giá trị quyết toán, vì văn bản này chỉ thể hiện được khối lượng công việc hoàn thành mà chưa thể hiện được chất lượng và các tiêu chuẩn được áp dụng.

Sau thời điểm có biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/01/2019, vào ngày 27/1/2021, giữa công ty TP và phòng KTTT- Công ty TH vẫn chưa thống nhất được giá trị quyết toán. Do các bên chưa thống nhất được số liệu cuối cùng, nên biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/01/2019 không có giá trị để yêu cầu công ty TH trả tiền.

2.2. Về điều kiện thanh toán, quyết toán

Theo quy định tại khoản 6.3. điều 6 của Hợp đồng số 01/2016 thì “Bên B hoàn thành công việc theo Hợp đồng và được bên A nghiệm thu nội bộ” và tại khoản 6.4. Điều 6 của Hợp đồng cũng quy định về hồ sơ quyết toán “Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền của Bên A phê duyệt”. Theo quy định này, hồ sơ quyết toán phải được Tổng thầu là Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội- CTCP thông qua. Vì chưa thực hiện quyết toán theo quy định tại Điều 22 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, nên chưa có căn cứ xác định số tiền phải trả cho công ty TP . Hiện nay, Công Ty TH đã gửi hồ sơ cho Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội – CTCP và chờ phê duyệt quyết toán. Theo quy định của Nghị định 37/2015/NĐ-CP, khi chưa quyết toán thì chưa thể coi Chi nhánh 10 nợ Công ty TP theo Hợp đồng số 01/2016 được. Vì thế, việc khởi kiện đòi tiền của Công ty TP ở thời điểm hiện tại là không có căn cứ.

2.3. Về các tài liệu công ty TP giao nộp

Công ty TP giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện 02 hợp đồng, gồm hợp đồng số 01/2016 và Hợp đồng số 2506 ký ngày 25/6/2016. Tuy nhiên, Công ty TP không thể hiện rõ việc đòi tiền là theo hợp đồng nào?

Nếu đòi nợ theo Hợp đồng 01/2016 thì Hợp đồng 2506 có liên quan thế nào trong vụ kiện này? Tại sao biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ký ngày 4/11/2016 lại căn cứ vào Hợp đồng kinh tế 2506 trong khi đơn khởi kiện đang khởi kiện theo Hợp đồng số 01/2016.

Bảng xác nhận giá trị hoàn thành ngày 26/11/2016, tại biên bản này không ghi rõ theo nội dung nào, hợp đồng nào, công ty TP thực hiện nhiều hạng mục, công trình, vậy biên bản xác nhận giá trị hoàn thành này của hạng mục nào, công trình nào, hợp đồng nào?

3. Về việc xác định quan hệ tranh chấp và yêu cầu thanh toán lãi chậm trả

Hiện nay, do các bên chưa xác định được nợ nên việc Công ty TP khởi kiện yêu cầu đòi tiền và yêu cầu tiền lãi chậm trả là không có căn cứ.

Từ những nội dung trình bày nêu trên cho thấy, việc khởi kiện của Công ty TP là không có căn cứ, kính đề nghị Tòa án nhân dân quận TH bác toàn bộ nội dung khởi kiện của Công ty TP.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2023/KDTM-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần TP

Buộc Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH trả cho Công ty TP số tiền nợ gốc là 874.023.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến ngày 14/9/2023 là 268.901.916 đồng. Tổng số tiền Công ty TH phải thanh toán cho Công ty TP là 1.142.924.916 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 18/9/2023, bị đơn là Công ty TH kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ do bị đơn đưa ra dẫn đến bản án gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TH. Bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tạo điều kiện để thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng các bên không thỏa thuận được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH có kháng cáo trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định hợp đồng số 01/2016/HĐKT ngày 24/6/2016 không bị vô hiệu và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn nếu hồ sơ thanh toán đúng quy định. Tuy nhiên, theo biên bản ngày 27/01/2021 thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 135.000.000 đồng.

-Nguyên đơn là trình bày: Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các giấy tờ, tài liệu nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm đã được công chứng, chứng thực theo quy định. Các tài liệu nộp tại cấp phúc thẩm chỉ có phô tô và bản in từ máy tính và không có bản chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng, quá trình tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng: Các tài liệu do nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm chỉ là các bản sao không có chứng thực. Các bên đã thực hiện việc đối chiếu công nợ ngày 02/01/2019. Phía nguyên đơn đã xuất hóa đơn cho bị đơn. Thực tế công trình đã đưa vào sử dụng từ năm 2018. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về việc xác định tư cách tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng xây dựng phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐKT ngày 24/6/2016 giữa Công ty CP TP (Sau đây gọi tắt là Công ty TP) và Chi nhánh xây dựng và đầu tư TH số 10 – Công ty CP Đầu tư phát triển và xây dựng TH (Sau đây gọi tắt là Chi nhánh số 10).

Theo quy định tại khoản 6 điều 84 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện”.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Chi nhánh số 10 thể hiện: Chi nhánh số 10 có tên đầy đủ là Chi nhánh xây dựng và đầu tư TH số 10 – Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH . Hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH .

Như vậy, mặc dù người ký hợp đồng xây dựng với Công ty TP là chi nhánh số 10 tuy nhiên theo quy định tại khoản 6 điều 84 Bộ luật dân sự 2015 thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH (Sau đây gọi tắt là Công ty TH) là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Tại điều 17 hợp đồng thi công các bên thỏa thuận: Khi có tranh chấp các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp hòa giải không có kết quả thì các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án Kinh tế thành phố Hà Nội để xử lý tranh chấp. Quyết định của Tòa án kinh tế thành phố Hà Nội là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc đối với các bên. Xét thỏa thuận này của các bên, thấy rằng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng xây dựng. Bị đơn là Công ty TH có trụ sở tại: Số 2, ngõ 9 đường Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận TH, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận TH có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Vì vậy, phần thỏa thuận của các đương sự về việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là vô hiệu do không phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là Công ty TH kháng cáo bản án. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Công ty TP và Chi nhánh 10 có ký 02 hợp đồng xây dựng; hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016 ngày 24/6/2016 với giá trị 4.583.128.400 đồng và hợp đồng kinh tế số 2506 ngày 25/6/2016. Công ty TP cung cấp hồ ga và thuê máy đào cho Chi nhánh 10 với giá 441.009.259 đồng.

Tại Tòa án, nguyên đơn xác định hợp đồng số 2506 này nằm trong phần cung cấp hàng hóa cho hợp đồng thi công 01/2016 các bên đang tranh chấp hợp đồng số 01/2016.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ do bị đơn đưa ra dẫn đến bản án gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TH. Bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu trong việc thực hiện hợp đồng thi công xây dựng số 01/2016 được ký kết giữa Công ty TP và Chi nhánh số 10. Bị đơn có ý kiến cho rằng bị đơn chưa ký hợp đồng giao khoán nội bộ để giao chi nhánh số 10 thực hiện gói thầu, bị đơn không biết gói thầu này do Công ty TP được Chi nhánh số 10 giao thi công. Việc Chi

nhánh số 10 ký hợp đồng thi công với Công ty TP khi chưa được Công ty TH ký hợp đồng giao khoán hoặc ủy quyền là ký vượt thẩm quyền nên hợp đồng này là trái pháp luật nên Công ty TH thấy yêu cầu đòi tiền của Công ty TP với Công ty TH là không có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án xác định hợp đồng số 01/2016 là vô hiệu.

Xem xét hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐKT ký ngày 24/6/2016 và hợp đồng kinh tế số 2506 ký ngày 25/6/2016 giữa Chi nhánh số 10 và Công ty TP thấy:

Về thẩm quyền ký kết hợp đồng: Theo hợp đồng thể hiện: Bên giao thầu là Chi nhánh số 10 (do ông Phan Việt Anh đại diện) và bên nhận thầu không thể hiện tên pháp nhân do ông Nguyễn Ngọc Thắng là giám đốc đại diện. Phần cuối hợp đồng có đóng dấu của Chi nhánh số 10 và Công ty TP. Như vậy, được hiểu bên giao thầu là Chi nhánh số 10 và bên nhận thầu là Công ty TP. Như đã phân tích nêu trên, chi nhánh số 10 là đơn vị hoạt động theo ủy quyền của Công ty TH. Khi ký hợp đồng xây dựng với Công ty TP, chi nhánh số 10 không được Công ty TH ủy quyền bằng văn bản hoặc có hợp đồng giao khoán nội bộ. Phía Công ty TP cũng không xuất trình được văn bản của Công ty TH về việc ủy quyền hoặc giao khoán nội bộ với Chi nhánh số 10 để ký hợp đồng với Công ty TP. Như vậy, Chi nhánh số 10 ký hợp đồng với Công ty TP là chưa đúng thẩm quyền.

Tuy nhiên, xem xét trách nhiệm trả nợ của Công ty TH trong vụ án này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hạng mục cầu số 5, thuộc gói thầu VH2-03 nâng cấp, cải tạo kênh Bắc đoạn 3, thành phố V, tỉnh Nghệ An chỉ là 1 trong nhiều hạng mục công trình mà Công ty TH được giao là nhà thầu phụ. Các hạng mục đó có mối liên hệ khi thi công và đấu nối với nhau. Do vậy, việc Công ty TH cho rằng mình không biết Công ty TP thi công hạng mục cầu 5 này và hợp đồng mà Chi nhánh 10 ký bị vô hiệu là không có căn cứ.

Sau khi thi công xong và công trình được hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng từ tháng 4/2018. Đến ngày 02/01/2019, Chi nhánh số 10 và Công ty TP ký biên bản đối chiếu công nợ xác định số tiền Chi nhánh số 10 còn nợ của Công ty TP là 874.023.000 đồng. Cùng ngày 01/01/2019, hai bên ký phụ lục hợp đồng với nội dung gia hạn thời hạn thanh toán từ ngày 31/12/2018 đến ngày 31/12/2019.

Sau khi Chi nhánh số 10 và Công ty TP ký biên bản đối chiếu công nợ nhưng đến ngày 31/12/2019, Chi nhánh số 10 không thực hiện thanh toán tiền cho Công ty TP theo biên bản. Vì vậy, Công ty TP đã nhiều lần làm việc với Công ty TH (là đơn vị chủ quản của Chi nhánh số 10) về số tiền mà Chi nhánh số 10 còn nợ của Công ty TP theo hợp đồng xây dựng số 01/2-16. Xem xét biên bản đối chiếu công

nợ ngày 01/01/2019 giữa Công ty TP và Chi nhánh 10 thì thấy rằng Chi nhánh 10 không có ủy quyền của Công ty TH khi đối chiếu công nợ nên biên bản đối chiếu này không có giá trị pháp lý.

Theo quy định tại điều 4 của hợp đồng xây dựng số 01/2016 quy định về hồ sơ thanh toán gồm:

- + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng;
- + Bản vẽ hoàn công;
- + Kết quả thí nghiệm vật liệu;
- + Các tài liệu theo quy định của Luật xây dựng;

Tuy nhiên, theo các tài liệu do nguyên đơn giao nộp (được chứng thực, sao y) thì chỉ có:

- + Biên bản khối lượng hoàn thành (máy đào) trị giá: 179 triệu đồng;
- + Biên bản xác nhận giá trị cọc hoàn thành: 931 triệu đồng;
- + Biên bản nghiệm thu cọc (không có giá tiền);
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (xây đường nội bộ, vỉa hè) không có giá tiền.

Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu phía nguyên đơn giao nộp thêm tài liệu nhưng phía nguyên đơn không có tài liệu gì mới. Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình bản xác định giá trị đề ngày 07/11/2017 nhưng chỉ là bản phô tô và không có bản chính nên không đủ điều kiện là chứng cứ theo quy định tại các điều 93,94,95 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, các tài liệu do nguyên đơn giao nộp không đủ để chứng minh khối lượng và giá trị đã hoàn thành là 3,9 tỷ như nguyên đơn yêu cầu. Do vậy, bị đơn từ chối thanh toán như nguyên đơn yêu cầu là đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy phải căn cứ vào các tài liệu khác để xem xét, xác định nghĩa vụ của bị đơn. Tuy nhiên việc bị đơn chưa được quyết toán không phải là lý do bị đơn từ chối nghĩa vụ thanh toán bởi theo quy định tại điều 147 Luật xây dựng 2014 thì thời hạn quyết toán không quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm thu trong khi công trình đã đưa vào sử dụng từ năm 2018.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì:

Ngày 23/10/2020, Chi nhánh số 10 đã có báo cáo thi công gửi Công ty TH có nội dung về việc Công ty TP thực hiện gói thầu và công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2018 và hồ sơ quyết toán hiện vẫn chưa được giải quyết, chi nhánh số 10 hiện rất khó khăn về tài chính để giải quyết các công nợ với các đối tác... Đến ngày 27/01/2021, tại Trụ sở Công ty TH, Công ty TH và Công ty TP đã có biên bản làm việc và các bên cùng thống nhất xác nhận các nội dung sau:

“- Công trình đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 4/2018. Hiện tại, công tác thanh quyết toán chưa được Tổng Công ty xác nhận mặc dù Công ty TH đã cử người làm việc trực tiếp rất nhiều lần. Vì vậy, Công ty TH chưa có căn cứ để làm thanh quyết toán với các thầu phụ.

- Căn cứ theo hồ sơ quyết toán do Công ty TH đã lập và trình Tổng Công ty (nhưng chưa được Tổng công ty xác nhận), gói thầu của hạng mục Cầu số 5 có giá trị quyết toán là 3.675.888.683 đồng. Trong khi đó, giá trị quyết toán do Công ty TP lập là 3.932.336.468 đồng.

-Phòng KTTT thấy bất hợp lý trong số liệu quyết toán giữa các bên nên đã đề nghị họp giữa Công ty, đội thi công và đơn vị thi công trực tiếp là Công ty TP để thống nhất số liệu quyết toán như sau:

+ Phòng KTTT đưa ra số liệu (sau khi đã trừ các chi phí): 3.188.731.453 đồng

+ Công ty TP không đồng ý và đề xuất giá trị QT là 3.590.835.096 đồng.

- Hai bên bảo lưu số liệu quyết toán để trình lãnh đạo Công ty TH cho ý kiến chỉ đạo”

Như vậy, có căn cứ xác định rằng sau khi Chi nhánh số 10 báo cáo về việc ký hợp đồng, thực hiện hợp đồng và công nợ với Công ty TP thì Công ty TH đã biết nhưng không hề phản đối gì thẩm quyền ký hợp đồng cũng như từ chối nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty TP .

Cũng tại biên bản này, qua trao đổi, phía Công ty TP đã đưa ra số liệu giá trị quyết toán là 3.590.835.096 đồng mà không có điều kiện gì nên có căn cứ chấp nhận số liệu này để xác định đây là giá trị quyết toán của Công ty TP sau khi hoàn tất công việc với Chi nhánh 10. Tại biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2022 và cũng tại biên bản làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các bên xác nhận phía Công ty TP đã thanh toán 3.058.312.840 đồng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TP với số tiền yêu cầu Công ty TH phải thanh toán là 3.590.835.096 đồng – 3.058.312.840 đồng = 532.522.256 đồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng Công ty TH kháng cáo cho rằng Công ty TH không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Công ty TP và đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TP là không có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng xây dựng. Tòa án sơ thẩm áp dụng Nghị định số 37/2015 của Chính Phủ về hướng dẫn hợp đồng xây dựng thì áp dụng lãi suất chậm trả 0,708%/tháng để tính và nguyên đơn không kháng cáo. Nay số gốc phải trả giảm thì yêu cầu về lãi nguyên đơn được chấp nhận là: 532.522.256 đồng x 43 tháng 14 ngày x 0,708%/tháng (là mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương nơi

Công ty TP mở tài khoản) = 164.006.204 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 532.522.256 đồng + 164.006.204 đồng = 696.528.460 đồng nên cần sửa án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và không phù hợp với quy định của pháp luật

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 147, khoản 1 điều 148, điều 227, điểm a khoản 1 điều 289, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 điều 84, điều 335, 343, 468, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ các điều 125,138,139,144,145,146,147, 296 Luật xây dựng 2014

Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH . Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2023/KDTM ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân quận TH , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần TP đối với Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH . Buộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH phải thanh toán cho Công ty Cổ phần TP tổng số tiền là 696.528.460 đồng, trong đó nợ gốc là: 532.522.256 đồng và lãi chậm thanh toán là: 164.006.204 đồng

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH còn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần TP phải chịu 21.855.858 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ vào 20.749.138 đồng đã nộp theo biên lai số 32768 ngày

12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TH , thành phố Hà Nội. Công ty TP còn phải nộp 1.106.720 đồng.

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH phải chịu 31.861.138 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Đối trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và xây dựng TH còn phải nộp 29.861.138 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2024

Nơi nhận:

- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. TH ;
- Chi cục THADS Q. TH ;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Thành

